

**PHỤ LỤC 4: ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2020**

(Đính kèm Công văn số 4060/UBND-KT ngày 21 tháng 10 năm 2020
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS)	102.048.059	48.211.158	47,24	116,10
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	93.354.914	42.890.389	45,94	109,43
I	Chi đầu tư phát triển	36.103.906	14.364.087	39,79	109,88
1	Chi đầu tư cho các dự án		13.376.730		106,80
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		17.000		
3	Chi đầu tư phát triển khác		970.357		177,18
III	Chi thường xuyên	46.650.000	27.968.854	59,95	109,14
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	15.980.921	9.434.482	59,04	105,87
2	Chi khoa học và công nghệ	1.036.705	846.355	81,64	134,52
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	3.150.070	1.803.117	57,24	127,24
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	510.159	269.965	52,92	86,20
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	73.215	41.524	56,72	111,46
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	568.753	273.001	48,00	96,01
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	4.249.827	2.218.388	52,20	99,73
8	Chi sự nghiệp kinh tế	7.514.176	3.817.488	50,80	124,78
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	8.266.842	5.205.628	62,97	101,97
10	Chi bảo đảm xã hội	2.978.367	2.673.589	89,77	127,38
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.607.948	557.448	34,67	112,85
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	11.400		0,00	
V	Dự phòng ngân sách	3.500.000		0,00	
VI	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	6.287.938		0,00	